

<p>-GV đưa ra hai băng giấy như nhau.          + Chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau, tô màu hai phần, vậy đã tô màu mấy phần băng giấy ?          + Chia băng giấy thứ hai thành 4 phần bằng nhau, tô màu 3 phần, vậy đã tô màu mấy phần của băng giấy ?          + Băng giấy nào được tô màu nhiều hơn ?</p> <p>+ Vậy <math>\frac{2}{3}</math> băng giấy và <math>\frac{3}{4}</math> băng giấy, phần nào lớn hơn ?          + Vậy <math>\frac{2}{3}</math> và <math>\frac{3}{4}</math>, phân số nào lớn hơn ?          + <math>\frac{2}{3}</math> như thế nào so với <math>\frac{3}{4}</math> ?          + Hãy viết kết quả so sánh <math>\frac{3}{4}</math> và <math>\frac{2}{3}</math> .</p> <p>☆ Cách 2          - Y/C HS quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số <math>\frac{2}{3}</math> và <math>\frac{3}{4}</math> .</p> <p>-Cách 1 mất thời gian và không thuận tiện khi phải so sánh nhiều phân số hoặc phân số có tử số và mẫu số lớn. Chính vì thế để so sánh các phân số khác mẫu số ta sẽ thực hiện cách 2</p> <p>Hỏi : Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào ?</p> <p>- Nhận xét, <b>kết luận</b>: <i>Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi so sánh các tử số của hai phân số mới.</i></p> <p><b>Hoạt động 3 :Luyện tập(17 – 18 phút)</b>          * <b>Mục tiêu</b> : Giúp HS làm được các bài tập          * <b>Tiến hành</b> :</p> <p><b>Bài 1</b>          - Gọi HS đọc đề          - Y/C HS tự làm bài.          - Nhận xét, thống nhất cách trình bày</p>	<p>-Đã tô màu <math>\frac{2}{3}</math> băng giấy.          -Đã tô màu <math>\frac{3}{4}</math> băng giấy.          -Băng giấy thứ hai được tô màu nhiều hơn.          -<math>\frac{3}{4}</math> băng giấy lớn hơn <math>\frac{2}{3}</math> băng giấy.          -Phân số <math>\frac{3}{4}</math> lớn hơn phân số <math>\frac{2}{3}</math> .          -Phân số <math>\frac{2}{3}</math> bé hơn phân số <math>\frac{3}{4}</math> .          -HS viết bảng con          -HS thực hiện          -Lắng nghe          - HS trả lời          - Vài HS nhắc lại          - 1 HS đọc          -2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p>
--	--

<p>VD : Quy đồng mẫu số hai phân số <math>\frac{3}{4}</math> và <math>\frac{4}{5}</math> :</p> $\frac{3}{4} = \frac{3 \times 5}{4 \times 5} = \frac{15}{20}$ $\frac{4}{5} = \frac{4 \times 4}{5 \times 4} = \frac{16}{20}$ <p>Vì <math>\frac{15}{20} &lt; \frac{16}{20}</math> nên <math>\frac{3}{4} &lt; \frac{4}{5}</math></p> <p><b>Bài 2</b></p> <p>Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?          -GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi</p> <p>-GV kiểm tra, nhận xét</p> <p><b>Bài 3</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.          Hỏi : Muốn biết bạn nào ăn nhiều bánh hơn chúng ta làm như thế nào ?          -GV yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Gọi HS trình bày          -GV nhận xét</p> <p><b>Hoạt động nối tiếp : Củng cố- Dặn dò (1 – 2 phút)</b></p> <p>-Y/C HS nêu lại cách so sánh hai phân số khác mẫu số          -Nhận xét tiết học.          -Dặn dò HS làm bài tập và chuẩn bị bài sau :  <i>Luyện tập</i></p>	<p>-Rút gọn rồi so sánh hai phân số.          -1 nhóm làm bảng phụ, HS cả lớp làm bài vào phiếu học tập</p> <p>Rút gọn <math>\frac{6}{10} = \frac{6 : 2}{10 : 2} = \frac{3}{5}</math></p> <p>Vì <math>\frac{3}{5} &lt; \frac{4}{5}</math> nên <math>\frac{6}{10} &lt; \frac{4}{5}</math></p> <p>-HS đọc.          -Chúng ta phải so sánh số bánh mà hai bạn đã ăn với nhau.          -HS làm bài vào giấy nháp, 1 HS lên làm bảng phụ          - Vài HS trình bày</p> <p>- 2 HS nêu          -HS lắng nghe</p>
---	--

**Nhận xét- rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....



MÔN: TOÁN  
TIẾT 110: LUYỆN TẬP

**I. Mục tiêu:**

1. Kiến thức :

-Giới thiệu hai phân số cùng tử số.

2. Kỹ năng :

-Rèn kỹ năng so sánh hai phân số khác mẫu số.

3. Thái độ :

- Giáo dục HS tính cẩn thận, chính xác

**II. Đồ dùng dạy - học:**

-GV :Bảng phụ, nam châm

-Học sinh: SGK, vở, bảng con

**III. Các hoạt động dạy – học :**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b>Hoạt động 1 : Khởi động (2 – 3 phút)</b>                      * <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nhớ lại bài cũ                      * <u>Tiến hành</u> :                      - Yêu cầu HS so sánh các phân số sau :                      a) <math>\frac{2}{7}</math> và <math>\frac{3}{14}</math>                      b) <math>\frac{5}{9}</math> và <math>\frac{1}{2}</math>                      -GV nhận xét                      - GV :Trong giờ học này, các em sẽ được rèn luyện kỹ năng so sánh hai phân số.</p> <p><b>Hoạt động 2 :Hướng dẫn luyện tậpso sánh hai phân số khác mẫu số, cùng mẫu số (20 – 23 phút)</b>                      * <u>Mục tiêu</u> : Giúp HSrèn kỹ năng so sánh hai phân số khác (cùng) mẫu số.                      * <u>Tiến hành</u> :  <b>Bài 1</b>                      Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?                      + Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào ?                      - Giảng : Khi thực hiện so sánh hai phân số khác mẫu số có thể quy đồng mẫu số hoặc rút gọn phân số để đưa về dạng cùng mẫu số</p>	<p>- 1 HS lên bảng làm câu a và nêu cách làm                      - HS dưới lớp làm bảng con câu b                      -HS nhận xét</p> <p>-HS lắng nghe.</p> <p>- HS nêu                      +Quy đồng mẫu số hai phân số rồi mới so sánh .                      -HS nghe giảng, sau đó làm bài.                      - 4 HS lên bảng làm bài, mỗi HS thực hiện so sánh 1 cặp phân số, HS cả lớp làm bài theo nhóm 4 câu a, b, c</p>

<p>- Gọi HS trình bày - Nhận xét</p> <p><b>Bài 2</b> -Viết phần a của bài tập lên bảng và yêu cầu HS suy nghĩ để tìm hai cách so sánh phân số <math>\frac{7}{8}</math> và <math>\frac{8}{7}</math>. - Nhận xét, thống nhất hai cách so sánh : +Quy đồng mẫu số các phân số rồi so sánh. +So sánh với 1. - Y/C HS quy đồng mẫu số 2 phân số trên - Nhận xét - Y/C HS so sánh từng phân số trên với 1. - Y/C HS so sánh hai phân số đó với nhau. - Nhận xét Hỏi : Với các bài toán về so sánh hai phân số, trong trường hợp nào chúng ta có thể áp dụng cách so sánh phân số với 1 ? - Yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài, sau đó chữa bài</p> <p><b>Bài 4</b> - Gọi HS đọc đề. - Gọi HS trình bày - Nhận xét</p> <p><b>Hoạt động 3 :Hướng dẫn so sánh hai phân số cùng tử số (10 – 12 phút)</b> * <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS biết cách so sánh hai phân số cùng tử số.</p> <p><b>Bài 3</b> -GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số <math>\frac{4}{5}</math> ; <math>\frac{4}{7}</math>. Hỏi : Em có nhận xét gì về tử số của hai phân số trên ? + Phân số nào là phân số bé hơn ?</p>	<p>(Câu d dành cho HS có năng khiếu)</p> <p>-HS trao đổi theo cặp, sau đó phát biểu ý kiến trước lớp.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, lớp làm bảng con</p> <p>- HS thực hiện + Vì <math>\frac{8}{7} &gt; 1</math> ; <math>\frac{7}{8} &lt; 1</math> nên <math>\frac{8}{7} &gt; \frac{7}{8}</math> .</p> <p>-Khi hai phân số cần so sánh có một phân số lớn hơn 1 và phân số kia nhỏ hơn 1.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm, lớp làm vở</p> <p>- 1 HS đọc. - HS làm vở, sau đó trình bày cách làm Vì <math>4 &lt; 5</math> ; <math>5 &lt; 6</math> nên <math>\frac{4}{7} &lt; \frac{5}{7}</math> ; <math>\frac{5}{7} &lt; \frac{6}{7}</math> . Các phân số <math>\frac{6}{7}</math> ; <math>\frac{4}{7}</math> ; <math>\frac{5}{7}</math> viết theo thứ tự từ bé đến lớn là <math>\frac{4}{7}</math> ; <math>\frac{5}{7}</math> ; <math>\frac{6}{7}</math>.</p> <p>- 1 HS lên bảng làm, lớp làm bảng con</p> <p>-Phân số cùng có tử số là 4.</p>
--	--

<p>+ Mẫu số của phân số <math>\frac{4}{7}</math> lớn hơn hay bé hơn mẫu số của phân số <math>\frac{4}{5}</math> ?</p> <p>+ Phân số nào là phân số lớn hơn ?</p> <p>+ Mẫu số của phân số <math>\frac{4}{5}</math> lớn hơn hay bé hơn mẫu số của phân số <math>\frac{4}{7}</math> ?</p> <p>Hỏi :Khi so sánh hai phân số có cùng tử số, ta có thể dựa vào mẫu số để so sánh như thế nào ?</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS nhắc lại kết luận</li><li>- Yêu cầu HS làm các câu còn lại</li><li>- Nhận xét</li></ul> <p><b><u>Hoạt động nối tiếp</u> : Cùng cố- Dặn dò(1 – 2 phút)</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>-Gọi HS nêu lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số, khác mẫu số, hai phân số cùng tử số</li><li>-Nhận xét tiết học.</li><li>-Dặn dò HS làm bài tập trong VBT và chuẩn bị bài sau : <i>Luyện tập</i></li></ul>	<p>- HS phát biểu</p> <p>-Với hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn và ngược lại phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- 3 HS nhắc lại</li><li>-HS làm vở</li><li>- Vài HS nêu cách làm</li><li>- Vài HS nêu</li><li>- Lắng nghe</li></ul>
---	--

**Nhận xét- rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....



**MÔN: LỊCH SỬ**  
**TIẾT 22: TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ**

**I/ Mục tiêu:**

1. Kiến thức :

- Biết được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học):

+ Đến thời Hậu Lê giáo dục có quy củ chặt chẽ

+ Chính sách khuyến khích học tập, coi trọng sự tự học

2. Kỹ năng :

- Đọc, xử lí thông tin

3. Thái độ :

- Biết tích cực học để đạt kết quả cao trong học tập.

*\* GDHS biết được truyền thống hiếu học của cha ông ta có từ lâu đời.*

**II/ Đồ dùng dạy-học:**

- GV: Tranh Vinh quy bái tổ và Lễ xướng danh (nếu có)

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, VBT.

**III/ Các hoạt động dạy-học:**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b>Hoạt động 1 : Khởi động (2 – 3 phút)</b></p> <p>* <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nhớ lại bài cũ</p> <p>* <u>Tiến hành</u> :</p> <p>- Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi :</p> <p>1) Những sự việc nào thể hiện quyền tối cao của nhà vua?</p> <p>2) Bộ luật Hồng Đức ra đời vào thời nào ? có tác dụng gì ?</p> <p>- Nhận xét</p> <p>- GV giới thiệu: Đưa tranh vẽ nhà Thái học trong Văn Miếu Quốc Tử Giám và hỏi nó được xây dựng trong thời kì nào? Bài học hôm nay các em sẽ được biết</p> <p><b>Hoạt động 2: Tổ chức giáo dục thời Hậu Lê (25 – 27 phút)</b></p> <p>* <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nắm được những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục thời Hậu Lê</p> <p>* <u>Tiến hành</u> :</p> <p>- Gọi hs đọc SGK, thảo luận nhóm 4 để hoàn thành</p>	<p>- 2 HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Đọc SGK, thảo luận nhóm, làm</p>

<p>các câu hỏi trong PHT :</p> <p>1) Việc học dưới thời Hậu Lê được tổ chức như thế nào?</p> <p>2) Người đi học dưới thời Hậu Lê là những ai?</p> <p>3) Nội dung học tập và thi cử của thời Hậu Lê là gì?</p> <p>4) Chế độ thi cử thời Hậu Lê thế nào?</p> <p>- Dựa vào kết quả làm việc, y/c HS mô tả tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học; người đi học; nội dung học, nền nếp thi cử) (<i>Kết hợp cho HS quan sát tranh</i>)</p> <p><b>Kết luận:</b> Giáo dục thời Hậu Lê có tổ chức quy củ, nề nếp, nội dung học tập là Nho giáo</p> <p><b>Hoạt động 3: Khuyến khích học tập của nhà Hậu Lê (7 – 8 phút)</b></p> <p>* <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nắm được những biện pháp khuyến khích học tập của nhà Hậu Lê .</p> <p>* <u>Tiến hành</u> :</p> <p>- Y/c hs đọc SGK và trả lời câu hỏi sau: Nhà Hậu Lê đã làm gì để khuyến khích việc học tập?</p> <p><b>Kết luận:</b> Nhà Hậu Lê rất quan tâm đến vấn đề học tập. Sự phát triển của giáo dục đã góp phần quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng nhà nước mà còn nâng cao trình độ dân trí và văn hóa người Việt.</p> <p><b>Hoạt động nói tiếp : Củng cố- Dặn dò(2 phút)</b></p> <p>- Qua bài học, em có nhận xét gì giáo dục thời Hậu Lê? Trường học thời Hậu Lê có vai trò gì?</p> <p>- Gọi hs đọc bài học SGK/46 (<i>Kết hợp cho HS làm BT trong VBT</i>)</p> <p>- Nhận xét tiết học</p> <p>- Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau : <i>Văn</i></p>	<p>PHT</p> <p>- Đại diện các nhóm trả lời</p> <p>+ Lập Văn Miếu, xây dựng lại và mở rộng Thái học viện, thu nhận cả con em thường dân vào trường Quốc Tử Giám; trường có lớp học, chỗ ở, kho trữ sách, ở các đạo đều có trường do Nhà nước mở.</p> <p>+ Con cháu vua, quan và con em gia đình thường dân nếu học giỏi.</p> <p>+ Nho giáo, lịch sử các vương triều phương Bắc.</p> <p>+ ba năm có một kì thi Hương ở các địa phương và thi Hội ở kinh thành, có kì thi kiểm tra trình độ của quan lại.</p> <p>- Một vài nhóm mô tả giáo dục dưới thời Hậu Lê</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Đọc SGK</p> <p>- Đọc thầm, phát biểu</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- Vài HS đọc</p> <p>- HS làm BT</p> <p>- Lắng nghe</p>
--	---

học và khoa học thời Hậu Lê

**Nhân xét- rút kinh nghiệm:**

**MÔN: ĐỊA LÍ**

**TIẾT 22: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ**

**I/ Mục tiêu:**

1. Kiến thức :

- Nêu được một số hoạt động sản xuất :Trồng nhiều lúa gạo, cây ăn trái ; nuôi trồng và chế biến thủy sản của người dân ở đồng bằng Nam Bộ

2. Kĩ năng :

- Chỉ, đọc bản đồ, bảng số liệu.

3. Thái độ :

- Có ý thức tôn trọng, bảo vệ các thành quả lao động của người dân.

**\* GDHS sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng Nam Bộ(HĐ 2)**

**II/ Đồ dùng dạy-học:**

- GV: Bản đồ nông nghiệp VN. Tranh, ảnh về sản xuất nông nghiệp, nuôi và đánh bắt cá tôm ở đồng bằng Nam Bộ (GV và HS sưu tầm)

+Giấy khổ to. Một số thẻ ghi các nội dung để HS chơi trò chơi.

- HS: SGK, VBT.

**III/ Các hoạt động dạy-học:**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b><u>Hoạt động 1</u> : Khởi động (4 – 5 phút)</b></p> <p>* <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nhớ lại bài cũ</p> <p>* <u>Tiến hành</u> :</p> <p>- Cho HS xem 1 đoạn clip về đồng bằng Nam Bộ và yêu cầu HS nêu những điều em biết về đặc điểm địa hình, khí hậu, nhà ở và lễ hội của người dân</p> <p>- Nhận xét</p> <p>- GV giới thiệu bài: Với các đặc điểm về tự nhiên trên thì người dân ở đồng bằng Nam Bộ có thuận lợi và khó khăn gì trong sản xuất? Các em cùng tìm hiểu bài học hôm nay</p> <p><b><u>Hoạt động 2</u>: Vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước(10 – 15 phút)</b></p> <p>* <u>Mục tiêu</u> : Giúp HS nắm được đặc điểm về trồng trọt của người dân ĐBNB</p> <p>* <u>Tiến hành</u> :</p>	<p>- 3HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe</p>